

Bản án số: **41/2020/DS-ST**

Ngày: 01- 9 - 2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Bà Võ Thị Mai.

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980 (**Có mặt**)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** **Lương Thị T**, sinh năm 1967 (**Vắng mặt**)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 8 năm 2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày:*

Chị có cho bà T vay tiền như sau:

- **Lần thứ 1:** Vào năm 2017, chị có cho bà T vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, không làm giấy tờ, bà T chỉ đóng được 02 tháng tiền lãi với số tiền 500.000 đồng sau đó ngưng không đóng nữa.

- **Lần thứ 2:** Đến năm 2018, chị có cho bà T vay tiếp 1.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, thỏa thuận 05 ngày trả, không làm giấy tờ, sau đó đóng lãi được 10 ngày với số tiền 50.000 đồng.

Đến ngày 05/10/2019 hai bên có làm một giấy kết nợ thể hiện bà T nợ chị tiền vốn 5.000.000 đồng và 1.000.000 đồng cộng với tiền lãi 3.000.000 đồng nên tổng cộng là 9.000.000 đồng. Sau đó bà T trả được nhiều lần với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, chỉ còn nợ lại 5.700.000 đồng và từ tháng 02/2020 đến nay ngưng trả nữa.

Ngoài ra, bà T còn nợ bà Nguyễn Thị E số tiền 6.900.000 đồng, nhưng bà E cũng có nợ chị N nên các bên đã thỏa thuận chuyển 6.900.000 đồng bà T nợ của bà E sang bà T nợ chị N **và có thể hiện trong giấy kết nợ ngày 05/10/2019.**

Như vậy, tổng cộng bà T còn nợ chị N là 12.600.000 đồng, nhưng nay chị chỉ yêu cầu bà T trả 12.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lương Thị T trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ chị N 12.200.000 đồng như chị N trình bày là đúng nhưng do chị N cứ đòi nợ và chửi bới xúc phạm bà nên bà mới không trả nợ. Đối với số tiền lãi đã đóng cho chị N bà cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Bị đơn** vắng mặt trong quá trình mời hòa giải, công khai chứng cứ là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng sau đó có đơn xin xét xử vắng mặt nên không đặt vấn đề vi phạm nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N để buộc bà T trả số tiền nợ vay là 12.200.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện chị N không yêu cầu tính lãi suất do hai bên đã thống nhất số nợ bà T còn nợ chị N 12.200.000 đồng, nên đây là tình tiết không phải chứng minh và công nhận sự thật này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn bà Lương Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ vay là 12.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** của Bộ luật dân sự năm 2015 và **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xác nhận ngày 19/5/2020 của Công an xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp T, xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. Đối với tài liệu, chứng cứ do bị đơn bà Lương Thị T giao nộp bổ sung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/8/2020, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại **Điều 254** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị N buộc bà T trả số tiền nợ vay là 12.200.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy tay kết nợ ngày 05/10/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đều xác định giữa chị và bà T có giao dịch vay tiền với nhau và sau khi hai bên kết nợ lại số tiền là 12.600.000 đồng cho đến nay chưa trả, nhưng nay chị chỉ khởi kiện yêu cầu trả 12.200.000 đồng.

Bà T thừa nhận có giao dịch vay tiền như chị N trình bày là đúng và hiện còn nợ chị N 12.600.000 đồng cho đến nay chưa trả, nhưng nay chị N chỉ khởi kiện yêu cầu trả 12.200.000 đồng bà không có ý kiến gì.

Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là giấy tay kết nợ ngày 05/10/2019. Căn cứ vào **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên xác định được bà T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho chị N, nên nay chị khởi kiện yêu cầu bà T trả 12.200.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 463, 466** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Ghi nhận sự tự nguyện chị N không có yêu cầu tính lãi suất.

[7]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận toàn bộ, nên bà T phải chịu án phí của số tiền 12.200.000 đồng là:

$12.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 610.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; **Điều 254**; **khoản 2** Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với bà Lương Thị T về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Lương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền nợ vay 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bà Lương Thị T trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lương Thị T phải chịu là 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 305.000 đồng (Ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000676 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên